

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 07/2026/DS-ST

Ngày 19-3-2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật;

2. Bà Nguyễn Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5- Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 223/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-DS ngày 04/3/2026, của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Hưng Yên giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, N, phường X (phường V cũ), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty SBA);

Người đại diện theo pháp luật của Công ty SBA: ông Lê Ngọc T - Tổng giám đốc Công ty SBA.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Ngọc T: Ông Dương Đức T- Phó Tổng giám đốc Công ty SBA và ông Nguyễn Minh T - Nhân viên công ty Công ty SBA;

Địa chỉ: 278, N, phường X (phường V cũ), thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: 1112/12, K, tổ 5, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: tổ dân phố N, phường T, tỉnh Hưng Yên

(Ông Nguyễn Minh T có đơn xin vắng mặt ông Bùi Văn H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 17/08/2017. Ông H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: Loại thẻ: Visa Pay Wave Cre Classic; Số thẻ: 472074-1349; Hạn mức: 25,000,000; Ngày cấp thẻ: 15/09/2017; Lãi suất áp dụng: 26%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng. Ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69,000,000 đồng và các khoản phải thanh toán cho Ngân hàng bao gồm (phí trễ hạn 1.343.963 đồng, phí VHM 606.202 đồng, phí 3.916.000 đồng, lãi trong hạn 12.983.352 đồng). Tổng số tiền ông H phải trả cho Ngân hàng là 87.849.517 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 59,065,000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- Các khoản phí và hoặc lãi trong kỳ;
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ;

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/03/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 04/3/2026. Ông H còn nợ các khoản sau:

Dư nợ quá hạn : 28,784,517 đồng;

Lãi quá hạn: 82,136,900 đồng;

Tổng cộng: 110.921.417 đồng;

(Bằng chữ: Một trăm mười triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm mười bảy đồng)

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 28,784,517 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (lãi quá hạn 2.6%*150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, kính đề nghị Quý Tòa giải quyết: Buộc ông Bùi Văn H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/3/2026 là 110.921.417 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm mười bảy đồng) trong đó:

Dư nợ quá hạn : 28,784,517 đồng;

Lãi quá hạn: 82,136,900 đồng;

Tổng cộng: 110.921.417 đồng;

Và ông Bùi Văn H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/03/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Bị đơn ông Bùi Văn H được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không đến không có lời khai trong hồ sơ vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như không có ý kiến gì về có hay không có yêu cầu phản tố.*

** Kết quả xác minh theo Phiếu yêu cầu xác minh số 123/TAKV2-TPHCM ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh: Công an phường T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Công dân Bùi Văn H, sinh ngày 04/01/1976; Căn cước công dân: 034076297592; Số CMND: 151280822 có hộ*

khẩu thường trú tại tổ dân phố N, phường T, tỉnh Hưng Yên, hiện nay công dân đang sinh sống tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của quy định của bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng Dân sự Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 110 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc buộc ông Bùi Văn Hoàn phải trả cho tổng số tiền tính đến ngày 19/3/2026 là: 111.482.717 đồng (nợ gốc 28.784.517 đồng; nợ lãi quá hạn 82.698.200 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thoả thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2017.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H hiện có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, phường T, tỉnh Hưng Yên, và đang sinh sống tại địa phương nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nghị định số 101/2012/NĐ - CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về việc thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT - NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Nguyên đơn khởi

kiện yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Nguyên đơn cho bị đơn vay nợ mục đích vay tiêu dùng có địa chỉ tại tổ dân phố N, phường T, tỉnh Hưng Yên nên đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[[1.2] Toà án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên toà để tham gia tố tụng, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn Bùi Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 17/8/2017 thì thấy: Tại thời điểm ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có đầy đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng, hai bên đều có năng lực pháp luật dân sự, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, tự nguyện ký kết hợp đồng, tự nguyện thỏa thuận về nội dung hợp đồng, mục đích của giao kết hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117, 118, 119, 401, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức số tiền 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Do nội dung và hình thức của hợp đồng và đơn Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tiêu dùng cá nhân dành cho khách hàng cá nhân tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng trên có giá trị pháp lý ngay tại thời điểm giao kết.

[2.2] Số tiền ông Bùi Văn H đã chi tiêu theo thẻ tín dụng từ ngày 31/10/2017 đến ngày 24/11/2024 là 93.521.117 đồng. Số tiền ông Bùi Văn Hoàn đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày 24/11/2024 là 29.065.000 đồng. Thời điểm cuối cùng ông Bùi Văn H trả nợ là ngày 30/11/2019 với số tiền là 2.000.000 đồng. Ngày 01/3/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/3/2026, ông Bùi Văn H còn nợ Ngân hàng số tiền theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng khách hàng cá nhân ký ngày 17/8/2017 là: 111.482.717 đồng, cụ

thẻ: Nợ gốc quá hạn 28.784.517đồng; Nợ lãi quá hạn 82.698.200 đồng theo thoả thuận là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/3/2026 là có căn cứ và phù hợp với Điều 463, 566 Bộ luật dân sự; Điều 100 Luật tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP nên được chấp nhận.

[2.5] Ông Bùi Văn H còn phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 19/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thoả thuận theo hợp đồng.

[2.5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trả lại cho SeABank số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng Dân sự Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 110 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Bùi Văn H phải trả cho tổng số tiền tính đến ngày 19/3/2026 là: 111.482.717 đồng; (Một trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc 28,784,517 đồng; nợ lãi quá hạn: 82,698,200 đồng; và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thoả thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2017.

2. Về án phí:

- Ông Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.546.073 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi ba đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.338.028 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080411 ngày 17/2/2025 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Anh Tuấn